

Bản án số: 68/2022/DS-ST

N1: 15/8/2022

Về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **VÕ QUANG TRUYỀN**.

2. Bà **HUỲNH HOA THIÊN LÝ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐINH THỊ HIÊN** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:* Bà **NGUYỄN LÂM THÚY VI** - Kiểm sát viên.

N1 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST-DS N1 20 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST- DS N1 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh X**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: số 22/29, (số cũ 601/11), đường LLQ, kp 3, P4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà **Châu Thị Bạch T**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 03/01, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim Đ**, sinh năm 1975 (Theo văn bản ủy quyền N1 18/02/2022) (có mặt).

Địa chỉ: số 140, hẻm 5, đường HTP, khu phố HB, phường HN, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Châu Thị Mỹ H**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 472, tổ 3, ấp 5, xã TrV, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà **Trần Thị Ngọc N**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 499, đường Kinh Tây, ấp 5, xã TrV, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà **Trần Thị Cẩm V**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 10, ấp 3, xã TrV, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà N và bà V: Chị **Nguyễn Thị Kim Đ**, sinh năm 1975 (Theo văn bản ủy quyền N1 18/02/2022) (có mặt).*

4. Bà **Châu Thị Diễm K**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 03/01, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh X trình bày như sau:

Cụ ông Trần Văn N1, sinh năm 1926, chết năm 1990; cụ bà Châu Thị T1, sinh năm 1937, chết năm 2021. Cụ N1 và cụ T1 chết không để lại di chúc, hai cụ có 06 người con chung gồm:

1. Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1956.

2. Bà Châu Thị Mỹ H, sinh năm 1962

3. Bà Châu Thị Bạch T, sinh năm 1967

4. Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1968.

5. Bà Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1973

6. Bà Châu Thị Diễm K, sinh năm 1980.

Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi hay con riêng.

Trong quá trình chung sống, hai cụ tạo lập được 01 tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 289,4 m², thửa số 89, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại số 03/01, khu phố 4, phường LH, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Châu Thị T1 ngày 21/02/2002, 01 căn nhà trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất. Ngoài ra, hai cụ không còn tài sản nào khác.

Từ khi cụ N1 chết, cụ T1 là người trực tiếp quản lý nhà và đất, cụ T1 sống chung với bà T và bà K. Từ khi cụ T1 chết thì một mình bà T trực tiếp quản lý, sử dụng.

Trước khi cụ T1 chết, cụ T1, bà V, bà K và bà T phải thi hành 01 nghĩa vụ đối với người khác theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 231/2015/DSPT ngày 14/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, nên bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành giữ để đảm bảo thi hành án. Sau khi cụ T1 chết, các chị em của bà X có hùn tiền để trả vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành để lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra. Tuy nhiên, các chị em của bà X có bà K làm ăn thất bại và bỏ địa phương đi từ khoảng năm 2016, đi đâu không rõ, thời gian đầu có liên lạc với người nhà qua số điện thoại. Sau khi cụ T1 chết, chị em có kêu bà K về để giải quyết phần nợ và tài sản do ba mẹ để lại, bà K không nói gì và từ đó đến nay không liên lạc về nhà nữa, gia đình muốn liên lạc với bà K nhưng không liên lạc được nên không thể tự phân chia di sản thừa kế và được hướng dẫn là khởi kiện vụ án để Tòa án giải quyết.

Nay, bà X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do ba mẹ ruột để lại theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản của bà T, bà N và bà V được hưởng từ ba mẹ, bà T, bà N và bà V từ chối nhận, bà X không có ý kiến. Đối với phần di sản của bà H được hưởng từ ba mẹ, bà H đồng ý nhận và chuyển toàn bộ sang cho bà X để bà X toàn quyền định đoạt thì bà X đồng ý. Đối với phần di sản của bà K được hưởng, do bà X đã nộp tiền thi hành án dùm bà K nên các chị em khác yêu cầu được giao cho bà X tạm quản lý dùm bà K để sau này khi bà K về bà X và bà K sẽ tự giải quyết với nhau thì bà X đồng ý.

Đối với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá bà X có tham gia và không có ý kiến.

Về chi phí tố tụng bà X đã nộp 5.000.000 đồng để đi xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thẩm định giá tài sản, bà X tự nguyện chịu chi phí này.

Ngoài ra, bà X không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Châu Thị Bạch T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là chị Nguyễn Thị Kim Đ thống nhất, trình bày:

Bà T hiện đang sinh sống tại phần đất tranh chấp. Trước đây phần đất này bà K sống chung với cụ T1, từ năm 2016 bà T mới về sống chung, được một thời gian thì bà K bỏ nhà đi, đi đâu không rõ. Thời gian đầu, bà K thỉnh thoảng có liên lạc với bà T qua số điện thoại để hỏi thăm mẹ và lâu lâu cũng có về thăm nhà và xin bà T tiền. Thời gian trước khi cụ T1 chết, bà K cũng còn liên lạc với bà T qua số điện thoại nhưng số điện thoại này chỉ có bà K điện thoại về được chứ bà T không có liên lạc được. Sau khi cụ T1 chết, bà K có điện thoại cho bà T thì bà T có báo là mẹ mất, kêu về giải quyết phần nợ và phần tài sản. Từ đó đến nay, bà K không còn liên lạc với bà T nữa. Gia đình bà T chờ bà K về để khai nhận di sản thừa kế nhưng chờ hoài mà bà K không về, trong khi đó để lấy bản chính giấy đất từ thi hành án ra thì bà X đã mượn tiền để trả vô thi hành án nên bà X được hướng dẫn là khởi kiện ra tòa án để được giải quyết.

Chị Đ thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà X về mối quan hệ huyết thống, khối di sản thừa kế.

Thực tế, các chị em của bà T không có tranh chấp về di sản thừa kế, nhưng do bà K không có mặt tại địa phương, gia đình không thể liên lạc được nên chị em họ không thể tự phân chia di sản thừa kế do ba mẹ ruột để lại nên họ phải khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà X thì: Bà Châu Thị Bạch T từ chối nhận toàn bộ di sản thừa kế mà bà T được chia. Vì khi mẹ mất, bà X là chị cả phải bỏ tiền vào thi hành án để lấy bản chính giấy đất ra nên bà T muốn bà X được hưởng toàn bộ di sản để bà X bán lấy tiền trả nợ. Bà T đề nghị giao phần di sản của bà K cho bà X tạm quản lý dùm cho bà K vì bà X đã nộp tiền vô thi hành án dùm bà K, sau này khi bà K về thì bà X và bà K đã tự giải quyết với nhau.

Ngoài ra, chị Đ không trình bày gì thêm.

Ý kiến và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim Đ là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Mỹ H, bà Trần Thị Ngọc N và bà Trần Thị Cẩm V.

Chị Đ thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà X.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà X thì:

- Bà Trần Thị Ngọc N và bà Trần Thị Cẩm V từ chối nhận toàn bộ di sản thừa kế mà bà N và bà V được chia. Vì khi mẹ mất, bà X là chị cả phải bỏ tiền vào thi hành án để lấy bản chính giấy đất ra nên hai bà muốn bà X được hưởng toàn bộ di sản để bà X bán lấy tiền trả nợ. Bà N và bà V đề nghị giao phần di sản của bà K cho bà X tạm quản lý dùm cho bà K vì bà X đã nộp tiền vô thi hành án dùm bà K, sau này khi bà K về thì bà X và bà K đã tự giải quyết với nhau.

- Bà Châu Thị Mỹ H đồng ý nhận phần di sản của bà H được hưởng và đồng ý chuyển toàn bộ sang cho bà X trọn quyền định đoạt vì bà X là chị cả, phải bỏ tiền vào thi hành án để lấy giấy đất ra nên bà muốn phụ bà X trả nợ. Bà H đồng ý giao phần di sản của bà K cho bà X tạm quản lý dùm cho bà K, vì bà X đã nộp tiền vô thi hành án dùm bà K, sau này khi bà K về thì bà X và bà K đã tự giải quyết với nhau.

Ngoài ra, đương sự không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Diễm K đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến tòa án để làm việc, hòa giải, dự phiên họp và tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thụ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Diễm K đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K là phù hợp với quy định với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh X đối với bà Châu Thị Bạch T về việc chia di sản thừa kế của cụ N1 và cụ T1 theo quy định của pháp luật. Phần di sản yêu cầu chia là quyền sử dụng đất diện tích 289,4 m², thửa số 89, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại số 03/01, khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp cho hộ ông (bà) Châu Thị T1 N1 21/02/2002 và 01 căn nhà trên đất, có trị giá là 8.137.189.200 đồng, được chia thành 06 phần cho 06 người con của hai cụ. Tuy nhiên, bà Châu Thị Bạch T, bà Trần Thị Ngọc N và Trần Thị

Cẩm V từ chối nhận phần di sản thừa kế mà bản thân được hưởng. Nên phần di sản được chia thành 03 phần, mỗi phần trị giá: 2.712.396.400 đồng.

Ghi nhận bà Châu Thị Mỹ H đồng ý nhận phần di sản thừa kế bản thân được hưởng và tự nguyện chuyển phần của mình sang cho bà Trần Thị Thanh X để bà X được trọn quyền định đoạt. Do đó, bà X được hưởng 02 phần. Bà X được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 221,4 m², căn nhà cấp 4 trên đất và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất. Bà X có nghĩa vụ thanh toán lại phần di sản cho bà K số tiền 2.712.396.400 đồng. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Châu Thị Diễm K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị Thanh X khởi kiện bà Châu Thị Bạch T yêu cầu chia di sản thừa kế do ba mẹ ruột là cụ Trần Văn N1 và cụ Châu Thị T1 để lại theo quy định của pháp luật. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về khối di sản thừa kế: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thừa nhận di sản thừa kế do cụ N1 và cụ T1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 289,4 m², thửa số 89, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại số 03/01, khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp cho hộ ông (bà) Châu Thị T1 ngày 21/02/2002 và 01 căn nhà trên đất, ngoài ra các đương sự không còn tranh chấp tài sản nào khác. Như vậy, các bên đương sự thống nhất về khối di sản do cụ N1 và cụ T1 để lại, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo biên bản đo đạc, định giá ngày 21/4/2022, di sản thừa kế gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế 221,4 m² (13,2 mét ngang) có giá trị là 600.000.000 đồng/mét ngang x 13,2 mét ngang = 7.920.000.000 đồng.

- Căn nhà trên đất: có kết cấu 3C, móng bê tông cốt thép, nền gạch men, tường xây gạch ống sơn “P”, cửa đi + cửa sổ sắt có gắn kiếng, cột bê tông cốt thép, kèo, đòn tay gỗ xây dựng, mái tole (nhà có 01 lầu), trần tole lạnh + tấm mù + trần thạch cao, tổng diện tích nhà là 150,2 m² có giá là: 150,2 m² x 4.820.000 đồng/ m² x 30% giá trị sử dụng còn lại = 217.189.200 đồng.

Tổng giá trị khối di sản là: 7.920.000.000 đồng + 217.189.200 đồng = 8.137.189.200 đồng.

Ngoài ra, trên đất còn 01 mái che, nền đất + xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole có diện tích 64,07 m²; 01 nhà kho kết cấu nhà tạm C có diện tích 16 m²; hàng rào lưới B40, móng xây gạch, có diện tích 70 m². Các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[3]. Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của bà X thấy rằng:

[3.1]. Cụ N1 và cụ T1 khi còn sống có tạo lập được tài sản chung, hai cụ chết không để lại di chúc, các con của hai cụ thuộc hàng thừa kế thứ nhất không thể tự phân chia di sản thừa kế được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của hai cụ theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Cụ N1 và cụ T1 có tất cả 06 người con chung gồm: Bà Trần Thị Thanh X, bà Châu Thị Bạch T, bà Châu Thị Mỹ H, bà Trần Thị Ngọc N, bà Trần Thị Cẩm V và Châu Thị Diễm K, ngoài ra 02 cụ không có con nuôi hay con riêng. Do đó, theo quy định theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 hàng thừa kế thứ nhất của cụ N1 và cụ T1 gồm 06 người con chung nên di sản thừa kế được chia thành 06 phần. Tuy nhiên, bà Châu Thị Bạch T, bà Trần Thị Ngọc N và bà Trần Thị Thanh V từ chối nhận phần di sản họ được hưởng. Nên khối di sản của cụ N1 và cụ T1 còn chia thành 03 phần, mỗi kỹ phần trị giá: 8.137.189.200 đồng : 3 = 2.712.396.400 đồng.

[3.3]. Quá trình làm việc, bà H đồng ý nhận phần di sản bà được hưởng từ ba mẹ nhưng bà H tự nguyện chuyển phần của mình sang cho bà X toàn quyền định

đoạt, bà X cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, bà X được hưởng phần di sản của bà X và bà H là: $2.712.396.400 \text{ đồng} \times 2 = 5.424.792.800 \text{ đồng}$.

[3.4]. Do bà T là người đang thực tế sống trên nhà và đất tranh chấp nhưng bà T từ chối nhận di sản. Bà X là người được hưởng phần lớn khối di sản nên cần giao cho bà X được nhận khối di sản bằng hiện vật là nhà và đất. Bà X có nghĩa vụ thanh toán lại phần giá trị cho các thừa kế khác. Cụ thể bà X có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà K giá trị phần di sản bà K được hưởng là 2.712.396.400 đồng (được làm tròn là: 2.712.396.000 đồng).

[3.5]. Do bà X có thi hành án dùm phần nghĩa vụ của bà K nên bà T, bà H, bà N và bà V yêu cầu giao phần di sản của bà K được hưởng cho bà X được tạm quản lý thay cho bà K. Khi nào bà K về thì bà X và bà K sẽ tự giải quyết với nhau, thấy rằng: Việc bà X nộp tiền để thi hành án dùm bà K là tự nguyện và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nghĩa vụ đó trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Phần nghĩa vụ này sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi có đương sự yêu cầu. Do đó, không có căn cứ để tạm giao phần di sản của bà K cho bà X quản lý.

[3.6]. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X đối với bà T về tranh chấp về di sản thừa kế.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Bà X đã nộp xong và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà X, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà K phải chịu án phí trên giá trị phần di sản được chia là: $2.712.396.400 \text{ đồng}$ là: $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times 712.396.400 \text{ đồng} = 86.247.928 \text{ đồng}$ được làm tròn là 86.248.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh X đối với bà Châu Thị Bạch T về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

1.1. Bà Trần Thị Thanh X được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 17, có diện tích đo đạc thực tế là 221,4 m², nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00800 QSDĐ/179/QĐ – CT (HL) do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị Hòa Thành) cấp cho hộ ông (bà) Châu Thị T1 ngày 21/02/2002, có tứ cận: *(có sơ đồ đất kèm theo)*:

- Phía Đông giáp đường 10 mét dài 16,5 m;
- Phía Tây giáp thửa 115 dài 17 m;
- Phía Nam giáp đường Đỗ Thị Tặng dài 13,2 m;
- Phía Bắc giáp thửa 129 dài 13,3 m.

1.2. Bà Trần Thị Thanh X được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm:

- Căn nhà trên đất: có kết cấu 3C, móng bê tông cốt thép, nền gạch men, tường xây gạch ống sơn “P”, cửa đi + cửa sổ sắt có gắn kiếng, cột bê tông cốt thép, kèo, đòn tay gỗ xây dựng, mái tole (nhà có 01 lầu), trần tole lạnh + tấm mù + trần thạch cao, tổng diện tích nhà là 150,2 m².

- 01 mái che, nền đất + xi măng, khung sắt tiền chế, mái tole có diện tích 64,07 m²; 01 nhà kho kết cấu nhà tạm C có diện tích 16 m²; hàng rào lưới B40, móng xây gạch, có diện tích 70 m².

1.3. Bà Trần Thị Thanh X có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Châu Thị Diễm K số tiền 2.712.396.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm mười hai triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Ghi nhận bà X tự nguyện nộp xong chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà X, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí.
- Bà K phải chịu 86.248.000 đồng (Tám mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị Kim Phụng